

## DAY HỌC KẾT HỢP VÀ TỔ CHỨC DAY HỌC KẾT HỢP TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Hoàng Trang<sup>1</sup>,  
Nguyễn Hữu Chung<sup>1</sup>,  
Mai Văn Hưng<sup>1,+</sup>,  
Nguyễn Quang Huy<sup>2</sup>,  
Kiều Cẩm Nhung<sup>3</sup>,  
Đặng Trần Xuân<sup>3</sup>,  
Trần Văn Thế<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội;

<sup>2</sup>Trường phổ thông liên cấp Olympia;

<sup>3</sup>Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

<sup>4</sup>Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

+ Tác giả liên hệ • Email: hungmv@vnu.edu.vn

### Article History

Received: 06/7/2020

Accepted: 31/7/2020

Published: 05/9/2020

### Keywords

Blended learning, E-learning,  
face-to-face learning, flipped  
classroom, learning station.

### ABSTRACT

Blended learning is gradually becoming a trend at high schools. This article proposes Blended learning organization plans, such as flipped classroom and learning station. Characteristics of levels of blended learning and the determination of E-learning and face-to-face (F2F) learning phases are also discussed in the study. There are three levels of Blended learning, depending on course objectives, information technology skills and teaching experience of teachers. In addition, the face-to-face learning phase is suitable for practical and experiential activities. The E-learning phase is appropriate for activities which are in the nature of orientation, learning about lesson contents, inspection and assessment.

## 1. Mở đầu

Day học kết hợp (Blended learning) trong khoảng mười năm trở lại đây đang dần chiếm lĩnh ưu thế dạy học tại các cơ sở đào tạo trên khắp thế giới. Day học kết hợp được hiểu một cách khái quát là sự kết hợp giữa dạy học điện tử (E-learning) và dạy học giáp mặt (F2F) nhằm phát huy tối đa ưu điểm của các hình thức học tập này. Tuy nhiên cho đến nay, chưa có sự thống nhất trong cách “pha trộn” giữa E-learning và F2F. Thực tế, việc tổ chức dạy học kết hợp vẫn đang đặt ra những thách thức cho các nhà quản lý, cho những người thiết kế khóa học và những người trực tiếp triển khai dạy học. Sự mơ hồ trong việc thiết lập tỉ lệ tối ưu giữa E-learning và F2F trong các nghiên cứu gần đây của Owston R. cùng cộng sự (2018) và Bedi K. (2008) cho thấy sự cần thiết trong việc xác định mối tương quan giữa E-learning và F2F trong dạy học kết hợp.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số nghiên cứu về dạy học kết hợp

Để xác định được mối tương quan giữa E-learning và F2F trong dạy học kết hợp, cần phải chú ý đến các dạng thức tiếp cận quá trình học tập của người dạy và người học. Theo Singh (2003), có 3 cách tiếp cận quá trình học: tiếp cận vật lý (hay là “dạy học giáp mặt”), tiếp cận dạng học tập trực tuyến và tự học (bảng 1). Có thể thấy, “học giáp mặt” có các đặc trưng như sự tương tác trực tiếp, những nhiệm vụ học tập liên quan đến thực hành, thí nghiệm, và những nội dung cần đến sự trải nghiệm thực tế. E-learning lại có đặc trưng là những lớp học ảo, sự phát sóng trực tiếp bài giảng, những thông tin khẩn cần trao đổi ngay mà đôi khi F2F không đáp ứng được, những hướng dẫn, thảo luận qua web hay những cuộc gọi theo nhóm qua web. Với những đặc trưng như vậy, E-learning rõ ràng đem lại sự linh hoạt, chủ động trong học tập khi thời gian có thể không theo những giờ cố định, mà có thể phát sinh theo tình huống, theo nhu cầu; không gian học tập diễn ra trên lớp học ảo và không bị giới hạn bởi không gian vật lý. Một dạng thức tiếp cận nữa của học tập đó là tự học. Tự học có thể có tính hệ thống hoặc không có tính hệ thống. Sự điều phối tự học có thể do giáo viên, người hướng dẫn (có tính hệ thống) hoặc xuất phát từ nhu cầu của người học (không có tính hệ thống). Đặc trưng của tự học đó là các nền tảng học tập trực tuyến, cộng đồng học tập với sự hỗ trợ của máy tính và Internet. Để đảm bảo quá trình tự học hiệu quả cần có kiểm tra, đánh giá.

Bảng 1. Đặc trưng của các dạng thức tiếp cận quá trình học (Singh, 2003)

Giáp mặt (Có tính hệ thống)	Trực tuyến (Có tính hệ thống)	Tự học (Có /không có tính hệ thống)
Lớp học F2F; Giáo án, bài giảng; Phòng thí nghiệm; Thực hành; Seminar, thảo luận; Các chuyến đi thực địa; Trải nghiệm, ngoại khóa.	Lớp học ảo; Thảo luận qua web; Phát sóng; Hướng dẫn; Thông tin khẩn; Các cuộc gọi trao đổi thông tin theo nhóm.	Tài liệu, trang web; Internet, máy tính; Mô phỏng trong học tập; Kiểm tra, đánh giá quá trình học; Hỗ trợ học tập điện tử: hỗ trợ cá nhân, hỗ trợ qua hệ thống; Học trực tuyến; Cộng đồng học tập, diễn đàn.

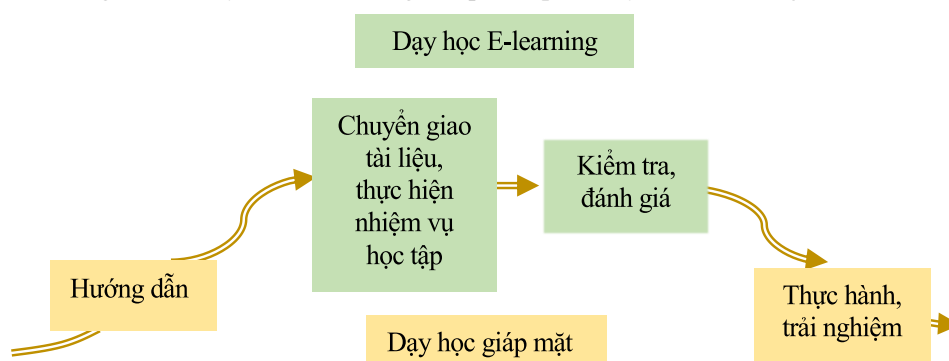
Một số nghiên cứu trước đây đã đề cập các mức độ dạy học kết hợp như Alammary và cộng sự (2014), Driscoll (2002), Oliver và Trigwell (2005). Theo đó, Blended learning có 3 mức độ dạy học (hình 1).

- 3 Triển khai mức độ 2 một cách có hệ thống bao gồm cả kiểm tra, đánh giá theo chuẩn đầu ra của toàn khóa học.
- 2 F2F là những hoạt động thực hành, trải nghiệm, thảo luận, giải đáp thắc mắc.  
E - learning tập trung vào quá trình tự học: tìm hiểu nội dung học tập, kiểm tra, đánh giá, thảo luận trên lớp học ảo,...
- 1 F2F đóng vai trò chủ đạo.  
E - learning: lồng ghép dưới dạng các nhiệm vụ học tập qua web, tự học qua internet theo hướng dẫn.

Hình 1. Các mức độ dạy học kết hợp (Alammary và cộng sự, 2014)

Để triển khai dạy học kết hợp ở mức độ 1, giáo viên đóng vai trò chủ đạo và là người chủ động trong việc thiết kế hoạt động dạy học dưới dạng lồng ghép các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và không chịu sự chi phối có tính hệ thống của các trường phổ thông. Để làm được việc này, giáo viên cần tăng cường các nhiệm vụ học tập có tính tìm tòi, sáng tạo. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có thể là thảo luận trên các forum khi thực hiện các nhiệm vụ học tập theo nhóm, giao tài liệu học tập dưới dạng điện tử, đường link website để học sinh tự tìm hiểu ở nhà, chuyển giao nhiệm vụ học tập dưới dạng WebQuest,...

Đối với mức độ 2, cần có các hoạt động dạy học E-learning. Cụ thể, giáo viên cần thiết kế lại và thay thế một số các hoạt động dạy học giáp mặt bằng các hoạt động học tập điện tử. Điều này đòi hỏi giáo viên phải xác định được những hoạt động dạy học truyền thống nào phù hợp với việc học tập điện tử bên cạnh việc kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học khác nhau như lớp học đảo ngược, dạy học dự án. Thông thường những hoạt động mang tính thực hành, trải nghiệm thực tế hay là những hoạt động mang tính định hướng học tập như hướng dẫn, báo cáo, giải đáp thắc mắc sẽ phù hợp với dạy học giáp mặt. Những hoạt động mang tính cung cấp thông tin học tập, liên quan đến cấu trúc, nội dung bài học hay kiểm tra, đánh giá sẽ phù hợp với dạy học E-learning (hình 2).



Hình 2. Các pha dạy học giáp mặt và dạy học E-learning

Đối với mức độ 3, dạy học kết hợp được triển khai một cách có hệ thống và hoàn chỉnh nhất. Theo Walters (2008), việc thiết kế khóa học Blended learning cần bám sát theo chuẩn đầu ra và kết quả học tập dự kiến của người học. Để thiết kế khóa học ở mức độ 3, khóa học cần được thiết kế mới ngay từ đầu theo Blended learning. Walters (2008) cho rằng, để thiết kế được khóa học Blended learning hiệu quả, giáo viên cần có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng và kỹ năng phối kết hợp các công cụ dạy học trực tuyến thật tốt cũng như lựa chọn các hoạt động trực tuyến phù hợp nhằm đảm bảo được chuẩn đầu ra của khóa học.

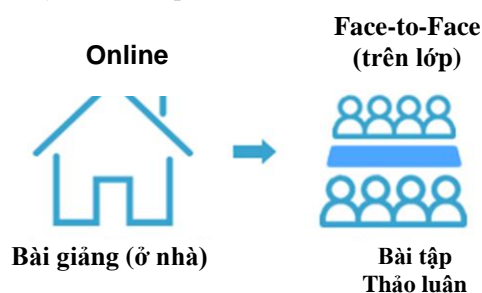
Bảng 2. Các yêu cầu cần thiết để tổ chức dạy học kết hợp

Yêu cầu	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Đặc điểm	100% giáp mặt phối kết hợp các hoạt động tương tác trực tuyến ngoài giờ học	Thay thế một số hoạt động học tập giáp mặt bằng học tập trực tuyến. Giáp mặt vẫn đóng vai trò chủ đạo.	Khóa học được thực hiện một cách có hệ thống từ quản lý lớp học đến kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra của khóa học.
Cấu trúc khóa học	Giữ nguyên	Thiết kế lại một phần	Thiết kế mới toàn bộ
Nền tảng quản lý và hỗ trợ học tập (LMS)	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Bắt buộc
Yêu cầu đối với giáo viên	Ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản Ít kinh nghiệm dạy học điện tử	Ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản Có kinh nghiệm dạy học điện tử	Ứng dụng công nghệ thông tin ở mức tốt Có kinh nghiệm dạy học điện tử

## 2.2. Các phương án tổ chức dạy học kết hợp

Trong dạy học kết hợp, việc phối kết hợp các phương pháp dạy học khác nhau và dựa trên việc lựa chọn các mức độ phù hợp. Các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với dạy học kết hợp có thể kể đến như: lớp học đảo ngược, dạy học theo trạm, dạy học dự án, dạy học theo nhóm nhỏ,...

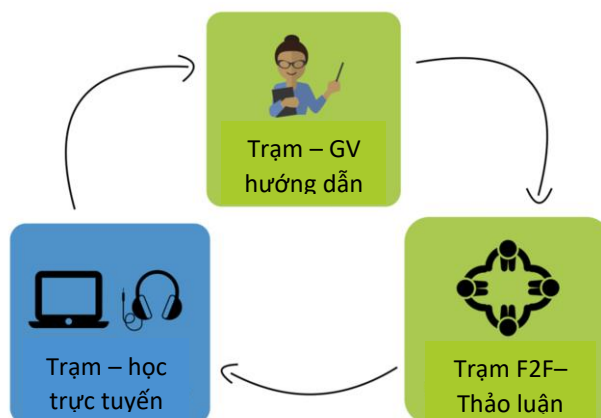
**Lớp học đảo ngược (Flipped classroom):** Người học sẽ tự tìm hiểu bài giảng do giáo viên cung cấp thông qua LMS hoặc bằng các phương tiện công nghệ, tìm kiếm tài liệu qua Internet. Việc tìm hiểu trước nội dung kiến thức do giáo viên chuẩn bị trở thành bài tập về nhà. Các thảo luận, tham gia các hoạt động học tập gắn với thực tiễn sẽ được thực hiện trên lớp, trong đó giáo viên đóng vai trò là người định hướng, hỗ trợ học sinh. Chính vì thế, đây là phương án dạy học phù hợp với dạy học kết hợp (hình 3).



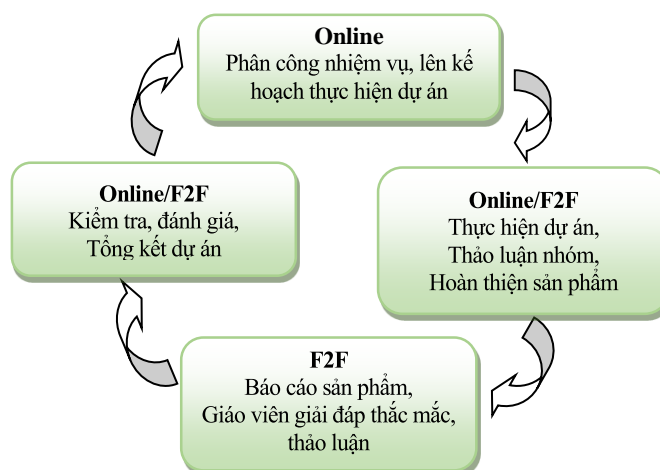
Hình 3. Lớp học đảo ngược

**Dạy học theo trạm (Station rotation):** là cách thức tổ chức dạy học tập trung vào việc tổ chức nội dung dạy học thành từng nhiệm vụ nhận thức độc lập của các nhóm học sinh khác nhau. Học sinh có thể thực hiện nhiệm vụ theo cặp, theo nhóm hoặc hoạt động cá nhân theo một thứ tự linh hoạt. Đây cũng là phương pháp dạy học phù hợp với Blended learning, trong đó các trạm học tập được thiết kế sao cho có sự kết hợp giữa học tập trực tuyến và học tập giáp mặt (F2F) (hình 4, trang bên).

**Dạy học dự án (Project-Based Learning):** Đây là một mô hình dạy học “lấy học sinh làm trung tâm”. Nó giúp phát triển kiến thức và các kỹ năng liên quan thông qua những nhiệm vụ mang tính mở, khuyến khích học sinh tìm tòi, hiện thực hóa những kiến thức đã học trong quá trình thực hiện và tạo ra những sản phẩm của chính mình. Các bước thực hiện dự án theo dạy học kết hợp được đề xuất trong hình 5 (trang bên).



Hình 4. Sơ đồ dạy học theo trạm phù hợp với Blended learning



Hình 5. Dạy học dự án trong dạy học kết hợp

### 2.3. Tổ chức dạy học kết hợp

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đề xuất dạy học chủ đề “Phân bón hóa học” trong chương trình Hóa học 11 theo các phương pháp dạy học theo trạm và lớp học đảo ngược. Tiến trình học tập được trình bày trong *bảng 3*.

Bảng 3. Tiến trình học tập chủ đề “Phân bón hóa học” theo dạy học kết hợp

<p><b>Online (ở nhà)</b>            Tìm hiểu về phân bón hóa học. Thực hiện các nhiệm vụ học tập.            Giáo viên cung cấp cho học sinh tập bài giảng và tài liệu về chủ đề thông qua website.            Yêu cầu về nội dung của chủ đề “Phân bón hóa học”: Học sinh nêu được khái niệm phân bón hóa học; phân biệt được thành phần hóa học và độ dinh dưỡng của các loại phân đạm, phân lân, phân kali, phân phức hợp; trình bày được tác dụng và vai trò của từng loại phân bón hóa học đối với đất và cây trồng; giải thích được tác hại của một số loại phân bón hóa học đối với con người và môi trường sống; đề xuất được loại phân bón thích hợp cho một số cây trồng phổ biến.</p>
<p><b>Trên lớp - Học tập theo trạm</b>  <i>Trạm - học trực tuyến</i>            Học sinh đọc và nghiên cứu các tài liệu tham khảo được trích dẫn trên website do giáo viên cung cấp để trả lời các câu hỏi sau:</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại sao các loại phân đạm Nitrat, phân lân Supephotphat (đơn, kép) lại làm cho đất bị chua? Các phân bón hóa học này thích hợp với loại đất có đặc điểm như thế nào?</li> <li>- Hãy giải thích tại sao phân đạm, phân kali, phân hỗn hợp lại thường được dùng để bón trong thời gian sinh trưởng của cây, còn phân lân lại thường được dùng để bón vào đất trước khi gieo trồng cây?</li> <li>- Giải thích các tác hại khi sử dụng phân bón hóa học không hợp lí và không đúng liều lượng?</li> </ul>
<p><i>Trạm - thảo luận</i>          Học sinh thảo luận về các nhiệm vụ học tập của chủ đề, hoàn thành các nhiệm vụ học tập.</p>
<p><i>Trạm - GV hướng dẫn</i>          Giáo viên giải đáp thắc mắc của học sinh, gợi mở một số tình huống thực tiễn như:          - Những phân bón nào thích hợp dùng cho đất bị chua phèn?          - Hãy nêu cách bảo quản cho các loại phân bón hóa học?</p>

Giáo viên chia lớp làm 2 nhóm với lớp dưới 20 học sinh. Nếu lớp đông trên 20 học sinh thì chia thành 4 nhóm, trong đó, 2 nhóm cùng thực hiện 1 tiến trình học tập. 2 nhóm sẽ luân phiên nhau thực hiện nhiệm vụ ở hai trạm - học trực tuyến và trạm - thảo luận. Sau khi cả 2 nhóm thực hiện xong nhiệm vụ ở cả hai trạm, giáo viên sẽ tiếp tục điều phối giờ học bằng các hoạt động giải đáp thắc mắc, thảo luận trao đổi với học sinh, chốt kiến thức. Lưu ý rằng, trong thời gian cả 2 nhóm thực hiện nhiệm vụ ở 2 trạm song song nhau, giáo viên đóng vai trò giám sát, hỗ trợ và giúp đỡ các nhóm. Để thực hiện chủ đề dạy học này, yêu cầu giáo viên phải có kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin ở mức độ cơ bản và có kinh nghiệm dạy học điện tử. Blended learning trong trường hợp này phù hợp triển khai ở mức độ 2 (bảng 2).

Thực nghiệm được tổ chức tại một số trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội như trường Alpha School, Alfred Nobel. Kết quả thực nghiệm bước đầu cho thấy được tính hiệu quả của dạy học kết hợp. Thứ nhất, kết quả học tập của học sinh sau khi học qua một số chủ đề dạy học kết hợp không bị giảm sút so với kết quả học tập trước đó, cho thấy dạy học kết hợp nếu được thực hiện một cách hiệu quả hoàn toàn đảm bảo được yếu tố truyền tải và tiếp nhận kiến thức. Bên cạnh đó, dạy học kết hợp còn đề cao tính tự chủ, sáng tạo của học sinh trong quá trình học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hơn 80% học sinh tham gia thực nghiệm cảm thấy hài lòng với phương án học tập mới này. Các tiêu chí đảm bảo quá trình học hiệu quả như: xác định mục tiêu học tập, xây dựng kế hoạch học tập, đề xuất và thực hiện các giải pháp học tập, tự đánh giá đều đạt các số liệu thống kê khả thi, trong đó, đa số học sinh (từ 70-85%) cho rằng mình đạt mức độ tốt ở các tiêu chí trên. Đây là dấu hiệu tốt cho thấy các năng lực như tự học, giải quyết vấn đề,... sẽ được phát triển nếu sử dụng dạy học kết hợp một cách hiệu quả. Dạy học kết hợp cũng giúp giáo viên và học sinh phát triển được kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin. Khoảng 90% giáo viên tham gia thực nghiệm cho rằng kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin, cũng như dạy học điện tử đã được cải thiện đáng kể. Ngoài ra, dạy học kết hợp cũng giúp làm tăng tương tác giữa các học sinh với nhau, từ đó phát triển được năng lực hợp tác. Gần 70% học sinh được hỏi cho rằng việc tương tác trên các mạng xã hội, forum về chủ đề học tập sẽ giúp các em hợp tác với nhau tốt hơn trên lớp học.

Tuy nhiên, trong quá trình thực nghiệm, một số những khó khăn trong việc triển khai dạy học kết hợp đã được quan sát thấy. Vấn đề này đã được nhóm tác giả đề cập đến trong công bố trước đây (Nguyen Hoang Trang và cộng sự, 2020). Đó là những khó khăn về cơ sở vật chất và chính sách khuyến khích, hỗ trợ giáo viên dạy học điện tử, từ đó ảnh hưởng đến nhận thức, nhu cầu và động lực của giáo viên trong quá trình trau dồi kĩ năng, nâng cao nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt là phát triển kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin - yếu tố cần thiết để triển khai dạy học Blended learning.

### 3. Kết luận

Một số nghiên cứu trước đây như Nguyen Hoang Trang và cộng sự (2018), Nguyen Hoang Trang và cộng sự (2020) đã cho thấy được sự tiềm năng trong việc triển khai dạy học kết hợp tại các trường phổ thông. Một số phương án dạy học như lớp học đảo ngược, dạy học theo trạm đã được thử nghiệm trong thực tế theo mô hình dạy học kết hợp. Kết quả bước đầu cho thấy những phương án này phù hợp với điều kiện thực tiễn tại các trường phổ thông và có tính khả thi.

**Lời cảm ơn:** Nhóm tác giả cảm ơn Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội đã tài trợ thông qua đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, mã số 01X-12/04-2018-3.

**Tài liệu tham khảo**

- Alammary, A., Sheard, J., & Carbone, A. (2014). *Blended learning in higher education: Three different design approaches*. Australasian Journal of Educational Technology, 30(4), 440-454. DOI: <https://doi.org/10.14742/ajet.693>.
- Bedi, K. (2008). *Experiences of hybrid corporate training programmes at an online academic institution*. In International Conference on Hybrid Learning and Education (pp. 271-282). Springer, Berlin, Heidelberg. [https://doi.org/10.1007/978-3-540-85170-7\\_24](https://doi.org/10.1007/978-3-540-85170-7_24).
- Driscoll, M., (2002). *Blended learning: Let's get beyond the hype*. IBM Global Services. Retrieved from [http://www-07.ibm.com/services/pdf/blended\\_learning.pdf](http://www-07.ibm.com/services/pdf/blended_learning.pdf).
- Nguyen Hoang Trang, Mai Van Hung, Le Dieu Phuong, Pham Van Hieu, Nguyen Thi Hong Nhung (2018). *The survey of study habits and technology infrastructure to meet blended learning in high school in Hanoi*. New issues in educational sciences: Interdisciplinary and cross-disciplinary approaches. (pp.184-193). (In Vietnamese).
- Nguyen Hoang Trang, Mai Van Hung, Nguyen Thi Thuy Quynh (2020). *Potential of Blended Learning at High Schools in Hanoi*. VNU Journal of Science: Education Research, 36(2), 77-87. <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4417>. (In Vietnamese).
- Oliver, M., & Trigwell, K. (2005). *Can 'blended learning' be redeemed?* E-learning and Digital Media, 2(1), 17-26.
- Owston, R., & York, D. N. (2018). *The nagging question when designing blended courses: Does the proportion of time devoted to online activities matter?* The Internet and Higher Education, 36, 22-32. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2017.09.001>.
- Singh, H. (2003). *Building effective blended learning programs*. Educational Technology-Saddle Brook Then Englewood Cliffs NJ-, 43(6), 51-54.
- Walters, B., (2008). *Blended learning-classroom with on-line*. The CALSCA Online Magazine.